

供第三法主

釋普慧長老和尚科

KHOA CÚNG
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG
ĐỆ TAM PHÁP CHỦ
THÍCH PHỔ TUỆ

CÚNG ĐỆ TAM PHÁP CHỦ THÍCH PHỔ TUỆ TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG KHOA

供第三法主釋普慧長老和尚科

Phó Pháp chủ Thích Trí Tịnh trưởng lão soạn

副法主釋智淨長老撰

Rừng thiên trầm thủy hương xông,

棱禪沈水香衝

Chiên đàn tuệ uyển vun trồng công lao.

栴檀慧苑揔種功勞

Vót hình cây có giới đao,

掙形核固戒刀

Lò lòng khói tỏa ngạt ngào kính dâng.

炉悉愧鎖呬嗷敬登

Nam mô Hương Cúng Dàng Bồ tát Ma ha
tát (3 lượt).

南無香供養菩薩摩訶薩 𑖦𑖹𑖫𑖼

Hương hoa sực nức, đèn nền sáng choang,

香花唵嚙烟齏爚炆

Sắp đặt giường thiền kính thành khai lễ.

拉撻床禪敬誠開禮

Cửa thiền rộng tựa cửa biển khơi,

嚙禪齏似嚙波瀾

Lối đạo truyền lại muôn đời còn đây.

嚙道傳吏闡茂群低

Phúc tuệ che phủ như mây,

福慧雲撫如雲

Nhiệm màu lý tỏa khắp rày hà sa.

任牟理鎖泣芻河沙

Đèn tuệ sáng tỏ bao la,

烟慧爚燄包羅

Trống Pháp rung chuyển nhà nhà đều nghe.

馱法撻轉茄茄調聒

Mưa lành mát mẻ suối khe,

霽霽沫漾澗溪

Đất lành rộng rãi đâu nề thấp cao.

坦蕚曠待丟伀溼高

Nôi đèn tiếp đuốc công lao,

綃烟接燭功勞

Mở mang giáo pháp tự hào tông môn.

翻芒教法自豪宗門

Phật tiền châu chực sớm hôm,

佛前朝直晷晷

Quê nhà Cực Lạc gửi hồn tiêu dao.

圭茹極樂擣魂逍遙

Trọn niềm thành kính khát khao,

論唵誠敬渴漈

Gieo mình năm vóc trên cao thấu tình.

招躬軀縶連高透情

Thung dung nơi Phật điện,

從容坭佛殿

Ánh sáng tỏa tầng không.

映爚鎖層空

Chân tính hằng phẳng lặng,

真性恆滂潮

Hiển hiện rõ hình dung.

顯現糟形容

Yên Khánh hình thành thế núi sông,

安慶形成勢崗潼

Ninh Bình sinh quán nếp nhà nông.

寧平生館躡茹農

Nhà thanh tiếng sạch noi truyền thống,

茹清啗瀝蹊傳統

Một nắng hai sương mền ruộng đồng.

爻曩仁霜勉曠垌

Hiếu hạnh dưới trên đều thuận thảo,

孝行鄴連調順草

Cấp sách cầu thầy há quản công.

綴冊求柴訶管功

Đồng chân nhập đạo khi thơ ấu,

童真入道欺疎幼

Thiền môn quy củ sớm làu thông.

禪門規矩斂嚙通

Viên Minh tổ nghiệp hằng tu bổ,

圓明祖業恒修補

Dương Phạm sơ cơ lúc khai môn.

陽範初機昞啟蒙

Gấp y, ôm bát về Tây vực,

扱衣揜鉢衛西域

Pháp chủ thiên gia rạng Tổ tông.

法主禪家燦祖宗

Nam mô Ứng Thế Sư Bồ tát Ma ha tát
(3 lượt).

南無應世師菩薩摩訶薩 𑖦𑖹𑖫𑖼

Trộm nghĩ:

濫拈

Lý nhờ Sự tỏ, Thực dựa Quyền hay.

理洊事燦寔豫權咍

Túc duyên đã có từ lâu,

宿緣屯固自歎

Quả kết lưu truyền nay đủ.

果結留傳倉𑖫𑖼

Cội nguồn phương hướng cảm nhận bởi lòng.

檜源方向感認𪛗𪛗

Cung nghinh tôn đức về đây, phải mượn
giường thuyền đưa đón.

恭迎尊德衛低沛授床禪遙迤

Nay nhờ Pháp thủy tẩy rửa nhà tăng.

倉洳法水洗浴茹僧

Đọc kinh văn trong giáo điển,

讀經文勸教典

niệm bí chú để gia trì,

念秘咒底加持

một giọt rời tay vạn ban đều sạch.

又溪移跏萬般調瀝

Mật giáo có chân ngôn sai tịnh:

密教固真言灑淨

Khê thủ quy y Tô Tất Đế,

稽首皈依蘇悉帝

Đầu diện đỉnh lễ Thất Câu Chi.

頭面頂禮七俱胝

Ngã kim xưng tán Đại Chuẩn Đề,

我今稱讚大準提

Kính nghe!

敬 聒

Trai bàn thanh tịnh, trước là bày tỏ tấm lòng son.

齋盤清淨耀羅排燄沁悉輪

Chiếu Pháp trang nghiêm, sau đẽ gửi thành
nường ngọn khói.

詔法莊嚴麩底擣誠娘菩愧

Sở dĩ hương này nuôi dưỡng tự tiên thiên.

所以香尼餒養自先天

Nào phải Bồng Đảo Doanh Châu sản xuất.

芾沛蓬島瀛洲產出

Ngát thơm cùng đại địa, chẳng từ nơi hải
ngạn sinh ra.

芴蒼拱大地庄自尼海岸生融

Phẩm chất vượt cả trăm đàn, giá trị ngát hơn
lan xạ.

品質越奇沉檀價值芴欣蘭麝

Khói lành bốc tỏa, đều từ tam muội lửa tuôn ra.

愧嚩卜鎖調自三昧炤滌融

Điềm lạ tung bay, vốn tự khí nhất nguyên lửa tới.

南無香供養菩薩摩訶薩 𑖦𑖪𑖫𑖬

嗔 瞋

懿安坭鰲旦光朗准姁娘

本初智性通倉迅機禪強燭潮

吨也湏潮宣妙偈

欣歡靈擬覓金身

底跣跣在富川留功勲城河内

得別景覓意曉啐𦵏

Giáo pháp có chân ngôn thành tâm triệu thỉnh:

教法固真言誠心召請

Muợn tiếng kim linh xin khai thỉnh,

授喙金鈴吁啟請

Giác linh chân tính vắng xa nghe.

覺靈真性永賒暄

Nay bằng bí ngữ đã gia trì,

倉朋秘語奄加持

Tháng tốt ngày lành xin hiển hiện.

朥卒暘孃吁顯現

**Nam Mô Bộ Bộ Đế Lị Già Rị Đát Rị Đát Đát
Nga Đát Đa (3 Lượt).**

南無部部帝唎伽哩多哩怛哆誡
哆耶 𑖀𑖦𑖯𑖫

Chân ngôn triệu thỉnh phúng tụng đã xong,

真言召請諷誦奄双

hết thảy một lòng thành tâm bái thỉnh.

歇汰艾悉誠心拜請

Hương hoa thỉnh.

香花請

Nhất tâm bái thỉnh:

一心拜請

Ninh Bình bản quán, Yên Khánh quê hương.

寧平本館安慶圭鄉

Nhân duyên ước nguyện từ xưa, kết quả lưu
truyền hiện tại.

因緣約願自初結果留傳現在

Cơ ngơi thanh bạch Bùi tộc gia phong.

基宜清白裴族家風

Khí huyết do phụ mẫu sở sinh,

氣血由父母所生

tính tình bởi đất trời hun đúc.

性情曠坦忝燠鑄

Núi Diều sông Gian tài bồi, cửa Không sân

Trình đào tạo.

崗鷄淹間栽培鰲孔璘程陶造

Ấu thơ sớm hiểu lẽ vô thường,

幼疎夙曉鐘無常

xuất gia vội tìm phương giải thoát.

出家倍尋方解脫

Chùa Phúc Long thể phát. Cảnh Dương Phạm
cầu sư.

厨福隆剃髮境陽範求師

Ý Yên - Yên Khánh đầu xa. Khánh Phú -
Khánh Tiên chẳng lạ.

懿安安慶兜賒慶富慶仙庄遇

Chôn Tổ Đông Cao sa di thập giới.

准祖棟高沙彌十戒

Viên Minh, Quang Lăng cụ túc thanh văn.

圓明光朗具足聲聞

Tổ Tâm An y chỉ sơ cơ,

祖心安依止初機

Tổ Quảng Tôn đường đầu hòa thượng.

祖廣遜堂頭和尚

Trúc Song lâu thuộc bốn năm trang,

竹窓嘯屬罽毼莊

Bát Nhã bình văn ba bảy mạch.

般若評文卽罽脉

Chí khí siêu phàm, tâm hình dị tục.

志氣超凡心形異俗

Tiết sạch giá trong, khuôn vàng thước ngọc.

節瀝價鬻困鑄楚玉

Cung duy:

Nam mô Bảo Kính Viên Minh tháp, Lâm Tế
chính tông, Đa Bảo diễn phái, Ma ha Tỷ
khiêu Bồ Tát giới, Pháp hỷ thượng Phổ hạ
Tuệ, đạo hiệu Phổ Thông, Hòa thượng Giác
linh - Thiên tọa hạ.

恭惟

南無寶鏡圓明塔臨濟正宗多寶
演派摩訶比丘菩薩戒法諱上普
下慧道號普通和尚覺靈禪座下

Xuất thế ư Đinh Tỵ niên, trụ thế nhất bách linh
ngũ tuế. Tiện siêu ư Tân Sửu niên Cửu nguyệt
Thập Lục nhật Dần bài thuận tịch Tây quy.

出世於丁巳年住世一百零五歲
便超於辛丑年九月十六日寅牌

順寂西歸

Duy nguyện:

惟願

Mây hợp, mây tan, trời vẫn lặng.

雲合雲散天沕朗

Nước ngừng, nước chảy, bóng thường soi.

渚凝渚沚膝常晞

Thỉnh giáng thiên đường chứng minh công
đức. Hương hoa thỉnh.

請降禪堂証明功德香花請

Nhất tâm bái thỉnh:

一心拜請

Dáng hiên đã khuất, cây đức còn tươi.

樣賢奄屈榦德群鮮

Sông Hồng cuộn cuộn nước trôi xuôi,

湔紅滾港渚溜吸

tre lũy xanh xanh chồi nở rộng,

桷累撐撐茱萸穠

bãi mía bạt ngàn, ruộng ngô thẳng cánh.

壩槎拔岸曠梧鰲翽

Đồ hoa tạng giát vàng chói lói, Phật tượng
trang nghiêm.

圖華藏曼鑄烺燿佛像莊嚴

Tháp đồ ba móc ngọc lạnh lùng, di hài cô tịch.

塔堵波霏玉冷透遺骸孤寂

Bình sinh tính tình giản dị. Xử sự khí tiết kiên cường.

平生性情簡易處事氣節堅強

Duy trì cổ đức quy mô. Kiến tạo nhân thiên phúc chí.

維持古德規模建造人天福祉

Phải khi đất nước chiến tranh, Quán Sứ duy na đảm nhiệm, dẫn chúng tu trì.

沛欺坦諾戰爭館使維那擔任引眾修持

Được lúc thiên hạ thái bình, Quang Lăng giáo viên, dạy trò học tập.

特昞天下太平光朗教員吡唵學習

Ruộng đất cây trồng tự túc, ao vườn rau cỏ qua ngày.

曠坦概橈自足泐園萋韜戈暘

Tiền kiếp Thọ Xương, hậu thân Pháp chủ.

前劫壽昌後身法主

Làm tròn sứ mệnh hóa độ đa phương.

少 輪使命化度多方

Tiếp chúng độ nhân tùy duyên bất biến.

接眾度人隨緣不變

Khai tràng thuyết pháp, truy tổ mông ân.

開場說法緇素蒙恩

Thí giới truyền thừa, tăng ni ngưỡng mộ.

施戒傳承僧尼仰慕

Sa Bà an hoại, Tịnh Độ văn thành.

娑婆印壞淨土文成

Cung duy:

Nam mô Bảo Kính Viên Minh tháp, Lâm Tế
chính tông, Đa Bảo diễn phái, Ma ha Tỷ
khiêu Bồ Tát giới, Pháp hỷ thượng Phổ hạ
Tuệ, đạo hiệu Phổ Thông, Hòa thượng Giác
linh - Thiên tọa hạ.

恭惟

南無寶鏡圓明塔臨濟正宗多寶
演派摩訶比丘菩薩戒法諱上普
下慧道號普通和尚覺靈禪座下

Duy nguyện:

惟願

Muôn sông đầy nước muôn trăng rọi.

閑淹浴若閑朧燿

Vạn dặm mây quang vạn dặm xanh.

萬跋靈光萬跋撐

Thỉnh giáng thiền đường chứng minh công
đức. Hương hoa thỉnh.

請降禪堂証明功德 香花請

Nhất tâm bái thỉnh:

一心拜請

Bản thể không sinh, không diệt. Pháp thân
chẳng đến, chẳng đi.

本体空生空滅法身庄旦庄趨

Vốn chưa mở cửa càn khôn, sẵn đã đủ đầy thể
dụng.

本渚翺翺乾坤產屯顰浴体用

Không sau, không trước; chẳng sạch, chẳng nhơ.

空垢空耄庄瀝庄洳

Không sinh hoá, thời không hóa, không sinh.

空生化時空化空生

Có hóa sinh, nên có sinh, có hóa.

固化生輒固生固化

Tâm phái Tào Khê tâm viên giác.

心派曹溪心圓覺

Đạo dòng Lâm Tế đạo tinh minh.

道涇臨濟道精明

Vui cùng đồng ruộng thân thang, mên
chuộng ao vườn thoáng dăng.

慍共垌曠清湯勉輶泐園洸蕩

Danh cương lợi tỏa nào có quan tâm.

名綱利鎖芾固關心

Chức trọng quyền cao coi như mộng ảo.

賤重權高瞞如夢幻

Thao danh chẳng được, hồi tích không xong.

韜名庄特晦跡空双

Mấy khóa tái cử Pháp chủ thiên gia,

尔課再舉法主禪家

ba miền suy tôn cao tăng toàn quốc.

巴沔推尊高僧全國

Phúc tuệ khắp Sa Bà, Chân thân về Tịnh Độ.

福慧泣娑婆真身衛淨土

Cung duy:

Nam mô Bảo Kính Viên Minh tháp, Lâm Tế
chính tông, Đa Bảo diễn phái, Ma ha Tỷ
khiêu Bồ Tát giới, Pháp hỷ thượng Phổ hạ
Tuệ, đạo hiệu Phổ Thông, Hòa thượng Giác
linh - Thiên tọa hạ.

恭惟

南無寶鏡圓明塔臨濟正宗多寶
演派摩訶比丘菩薩戒法諱上普
下慧道號普通和尚覺靈禪座下

Duy nguyện:

惟願

Pháp ấn rạng ngời, quyền, thật, từ, bi, đà trọn vẹn.

法印燦爛權實慈悲陀鑰院

Minh tinh bóng khuất, non, sông, hoa, cỏ,
thủy buồn thương.

明星捧屈嫩淹花靺汰慍傷

Thỉnh giảng thiên đường, chứng minh công
đức. Hương hoa thỉnh.

請降禪堂証明功德 香花請

Nhất tâm bái thỉnh:

一心拜請

Đồng đàn pháp hữu, cộng trụ tịnh nhân.

同壇法友共住淨人

Giữ gìn đạo hạnh tinh nghiêm, sớm về Cực Lạc.

守塵道行精嚴 夙衛極樂

Kiên cố thành tâm tụng niệm, giải thoát trần
duyên.

堅固誠心誦念解脫塵緣

Cù lao chín chữ nhiều kiếp gia nương.

劬勞尠字夥劫爺娘

Uống nước nhớ nguồn, luôn nhớ non cao biển
rộng.

旺諾汝源輪汝嫩高漫曠

Công đức bốn ơn, muôn đời thầy bạn.

功德畧恩閑菰柴伴

Núi đồ chuông ngân, người mất kẻ còn ơn sâu
nghĩa nặng.

崗觀鐘銀鬲迭几群恩淒義礪

Đàn na thiện tín, bá thí cúng dàng Tịnh Độ.

檀那善信布施供養淨土

Vãng sinh mở cảnh xây chùa

徃生薌境磋厨

Tạo tượng đúc chuông u đồ thoát hóa.

造像鑄鐘幽途脫化

Hiện tiền phúc tuệ dồi dào,

現前福慧涿涿

Mai một Di Đà thụ ký.

埋歿彌陀授記

Phục vì siêu tiến:

伏為超薦

Hiển khảo Bùi Công Húy Quang Oánh chân linh,

顯考裴公諱光瑩真靈

hiển tử Nguyễn Quý Thị Húy Thỉnh chân
linh,

顯妣阮貴氏諱清真靈

phả cập cao tăng tổ khảo, cao tăng tổ tỷ, bá
thúc huynh đệ, cô di tỷ muội,
普及高曾祖考高曾祖妣伯叔兄
弟姑姨姊妹

tự tha tiên vong, á thân liệt thích, nhất thiết
đẳng hồn,

自他先亡亞親列戚一切等魂

đồng thừa tổ lực, các nhuận ân ba,

同承祖力各潤恩波

thỉnh giảng đạo tràng quân triêm pháp lực.

請降道場勻霑法力

Duy nguyện:

惟願

Hai chữ âm dương nghe có lạ.

仁字陰陽睽固遇

Một đường sinh tử lối về chung.

爻塘生死塢衛終

Thỉnh giảng linh sàng, thụ tư cúng dàng.

Hương hoa thỉnh.

請降靈床受斯供養 香花請

Trên dưới phụng thỉnh đã xong, lại có chân
ngôn tuyên đọc:

連帶奉請也双吏固真言宣讀

Đường đường tôn đức giáng trai diên,

唐唐尊德降齋筵

Nghi ngút hương mây rước Thánh hiền.

賢聖連靈香煖

Tự tại thung dung về Tịnh Độ,

自在從容衛淨土

Khuông phù trụ sứ vĩnh diên niên.

匡扶住處永延年

Nam mô Văn Lai Tập Bồ tát Ma ha tát

(3 lượt).

南無雲來集菩薩摩訶薩 卐

Trăm thức đem dâng, cúi xin tôn đức chứng
thành tâm.

心誠證德尊 吁 曾 豈 枕 式 鼻

Một dạ ân cần dưới chiếu môn nhân, tha thiết
hiển chân nhân.

艾肫殷勤帶詔門人磋切獻真人

(Chú Biến thực, Cam lộ, Phả cúng dàng).

咒變食甘露普供養

**Nam Mô Phả Cúng Dàng Bồ Tát Ma Ha
Tát.**

南無普供養菩薩摩訶薩

Cơm Hương Tích, bếp Thiên Trù, độ xong y
bát đã đang thu.

糒香跡炆天厨度双衣鉢龟當收

Đường mây, dép cỏ về Tây Trúc.

塘霽躡靺衛西竺

Tự tại ưu du, Pháp tính vẫn như như.

自在優遊法性沕如如

Chúng giám đàn thư sớ tâu văn từ.

證鑑丹書疏奏文詞

Hạnh đối tôn sư, duy nguyện nạp vô tư.

幸對尊師惟願納無私

(Đọc xong)

讀双

Thượng lai văn sớ tuyên đọc văn chu,

Sớ đối tôn từ dụng bằng hỏa hóa.

上來文疏宣讀雲周疏對尊慈用
憑火化

(Tụng Tâm Kinh)

誦心經

Nam Mô Đăng Vân Lộ Bồ Tát Ma Ha Tát
(3 lượt).

南無登雲路菩薩摩訶薩 𠂇烈

Phó hội ngày nay mới đến thăm,

赴會得倉買旦探

Hai miền chia cắt đã bao năm.

𠂇沔𠂇割𠂇包𠂇

Chung lòng thương thức nôi cơm nhạt,

終悉賞識𠂇𠂇𠂇

Hợp mặt hàn huyền chuyện cũ hăm.

合𠂇寒暄傳𠂇𠂇

Tu đạo cùng vui tìm thấy tính.

修道共𠂇尋𠂇性

An thiên đã thỏa nhận ra tâm.

安禪𠂇𠂇認𠂇心

Trùng phùng giấy bút làm sao tả?

重逢紙筆少牢寫

Gương cũ cùng soi thấy giả chân.

銅鑪共瞞覓假真

Tình đậm thủy chung, những ước trăm năm
cùng bạch nghiệp;

情潭始終仍約冪薺共白業

Đường chia Nam Bắc, khôn cầm một mảy tác
lòng son.

塘玦南北坤撝艾薺畧悉輪

Ô hô!

嗚呼

Vườn Kỳ mây ám, núi Thửu tuyết phong.

園祇霽暗崗驚雪封

Mây ảm đạm, gió lùa mây chạy.

霽黯淡鬻撈霽趲

Tuyết lạnh lòng, nắng dải tuyết tan.

雪冷透曩爍雪散

Nhìn sao, sao đã lụi tàn.

睨瞿瞿屯隳殘

Nhìn nước, nước đã chảy tràn về Đông.

睨諾諾 匱汜沔衛東

Di hình gửi tháp rêu phong.

遺形擣塔蔡封

Cây tùng gió thoảng ai không mùi lòng.

榑松鬻淌埃空憊恫

Một đốm linh quang thật diệu huyền!

爻炷靈光實妙玄

Chẳng sinh, chẳng diệt, tự tiên thiên.

庄生庄滅自先天

Vận dư, văn bút cùng ai họa?

韻餘文筆穷埃和

Tiền biệt đường mây ngọn gió xiên.

踐別塘霽苔鬻忼

Nam Mô Sinh Tịnh Độ Bồ Tát Ma Ha Tát

(3 lượt).

南無生淨土菩薩摩訶薩 𑖦𑖪𑖫𑖬

Chung 終

渚。渚。屯。汴。泚。衛。東。遺。形。擣。塔。蔡。封。榱。
松。鑿。淌。埃。空。憊。悉。

爻。炆。靈。光。實。妙。玄。

庄。生。庄。滅。自。先。天。

韻。餘。文。筆。穷。埃。和。

踐。別。塘。霽。菩。鑿。忤。

南。無。生。淨。土。菩。薩。摩。訶。薩。

巳。烈。

終

重逢紙筆少牢寫

詞麤共瞞覓假真

情潭始終仍約暮辭共白業

塘玦南北坤玦又玦粵悉輪

嗚呼

園祇霽暗。尚驚雪封。霽黯淡。遽接霽趨。
雪冷透。曩煖雪散。睨惺。惺也。虺殘。睨

南無登雲路菩薩摩訶薩

已烈

赴會時倉買旦探

仁沔玠割屯包辭

終悉賞識坳柑漈

合栢寒暄傳黠燄

修道共慍尋覓性

安禪屯妥認馳心

南無普供養菩薩摩訶薩

紺香跡。炆天厨。度双衣鉢。卮當收。塘
靈躡鞞衛西竺。自在優遊。法性沕如
如。證鑑丹書疏奏文詞。幸對尊師惟
願納無私。

讀双

上來文疏宣讀雲周。疏對尊慈用憑火

化
誦心經

煇炆香霽連聖賢

自在從容衛淨土

匡扶住處永延年

南無雲來集菩薩摩訶薩

巴烈

霖式枕甞。醴吁尊德證誠心。爰脰殷
勤。帶詔門人。磋切獻真人。

咒變食。甘露普供養。

亡。亞親列戚。一切等魂。同承祖力。各
潤恩波。請降道場。勻霑法力。

惟願

仁。宰陰陽。暄固遇。又。塘生死。塢衛終。
請降靈床。受斯供養。香花請。

連。帶奉請。也。双。吏固真言宣讀。

唐唐尊德降齋筵

伴。尚覩鐘銀。訖。跌几群。恩。淒義。礪。檀。
那。善。信。布。施。供。養。淨。土。往。生。剎。境。磋。
厨。造。像。鑄。鐘。幽。途。脫。化。現。前。福。慧。沫。
漚。埋。歿。彌。陀。授。記。

伏為超薦顯考裴公諱光瑩真靈。顯妣
阮貴氏諱清真靈。普及高曾祖考。高
曾祖妣。伯叔兄弟。姑姨姊妹。自他先

法印燭煇。權實慈悲。陀鑰院。明星膝。
屈嫩。淹花。鞞汰。慍傷。請降禪堂。証明
功德。香花請。

一心拜請。同壇法友。共住淨人。甯塵道。
行精嚴。最衛極樂。堅固誠心。誦念。解
脫塵緣。劬勞尫瘠。劫爺娘。吐諾汝。
源。輪汝。嫩高。波。曠。功德。累。恩。閑。茂。柴。

勉。動。渤。園。洸。蕩。名。綱。利。鎖。芻。固。關。心。
戢。重。權。高。睨。如。夢。幻。韜。名。庄。特。晦。跡。
空。双。尗。課。再。舉。法。主。禪。家。𠂔。沔。推。尊。
高。僧。全。國。福。慧。泣。娑。婆。真。身。衛。淨。土。
恭。惟。南。無。寶。鏡。圓。明。塔。臨。濟。正。宗。多。寶。演。
派。摩。訶。比。丘。菩。薩。戒。法。諱。上。普。下。慧。道。
號。普。通。和。尚。覺。靈。禪。座。下。惟。願。

閑澗涖涖閑腴燴。萬跋靈光萬跋撐。
請降禪堂証明功德。香花請。

一心拜請。本体空生空滅。法身庄旦庄
趨。本渚翔翺乾坤。產屯龔涖体用空。
𪔐空𪔐。庄瀝庄洳。空生化時空化空
生。固化生𪔐。固化。心派曹溪心
圓覺。道涖臨濟道精明。慍共垌曠清湯。

身法主。少。踰使命化度多方。接眾度
人。隨緣不變。開場說法。緇素蒙恩施
戒。傳承。僧尼仰慕。娑婆印壞。淨土文
成。

恭惟。南無寶鏡圓明塔。臨濟正宗。多寶演
派。摩訶比丘菩薩戒。法諱上普下慧。道
號普通。和尚覺靈禪座下。
惟願

岸。曠。悟。鰲。翽。圖。華。藏。憂。鑛。炆。燼。佛。像。
莊。嚴。塔。堵。波。霏。玉。冷。透。遺。骸。孤。寂。平。
生。性。情。簡。易。處。事。氣。節。堅。強。維。持。古。
德。規。模。建。造。人。天。福。址。沛。欺。坦。諾。戰。
爭。館。使。維。那。擔。任。引。眾。修。持。特。眈。天。
下。太。平。光。朗。教。員。吡。唌。學。習。曠。坦。概。
橈。自。足。泐。園。萎。鞞。戈。暘。前。劫。壽。昌。後。

號普通和尚覺靈禪座下。出世於丁

巳年。住世一百零五歲。便超於辛丑年

九月十六日寅牌順寂西歸。惟願

靈合靈散。丕沕朗。渌凝渌汴。膝常瞞。請

降禪堂。証明功德。香花請。

一心拜請。樣賢也屈。樣德群鮮。淹紅滾

港。渌溜啖。枷累撐撐。茱芡。墮樣拔

慶兜賒。慶富。慶仙庄。選准祖棟高沙。
彌十戒。圓明光朗具足聲聞。祖心安。
依止初機。祖廣遜堂頭和尚。竹窻嘯。
屬罽毼莊。般若評文。𠂔𠂔脉。志氣超。
九。心形異俗。節瀝價黿。困鑛楚玉。

恭惟。南無寶鏡圓明塔。臨濟正宗。多寶演。
派。摩訶比丘菩薩戒。法諱上普下慧。道。

請。香花請。

一心拜請。寧平本館。安慶圭鄉。因緣約
願自初。結果留傳現在。基宜清白裴
族家風。氣血由父母所生。性情𧈧坦
歪燠鑄。𧈧鷄淹間栽培。𧈧孔璘程陶
造。幼疎晷曉鍾無常。出家倍尋方解
脫。厨福隆剃髮。境陽範求師。懿安。安

得。教法固真言誠心召請。

授。喏金鈴。吁。啟請。

覺靈真性永賒。𦵏。

倉朋秘語。𦵏。加持。

躺卒。𦵏。𦵏。吁。顯現。

南無部部帝。唎。伽哩多哩怛哆。誡。哆耶。

𦵏。𦵏。

真言召請。諷誦。𦵏。𦵏。歇。汰。𦵏。悉。誠心拜。

願結臺靈普供養

南無香供養菩薩摩訶薩

巴烈

曄
暄

懿安坭。瞿旦。光朗准。姤娘。本初智性。
屯通。倉迅。機禪強。炯潮。吨也。泝潮宣。
妙偈。欣歡靈。拟覓金身。底跣跣。在富
川。留功勲。城河內。暄啞曉意。覓景別。

炤滌融。恬遇縱。蹊。本自氣一元。搜細。
卮。卮。頂頭調透徹。𪛗。𪛗。倣。𪛗。汰。𪛗。香。
𪛗。頭。𪛗。𪛗。案。𪛗。𪛗。願。証明。教法固真。
言念香。𪛗。誠心諷誦。

𪛗。分香。卒鎖味。𪛗。

𪛗。𪛗。裕。𪛗。在心王。

圓明性海調。𪛗。別。

南無清涼地菩薩摩訶薩

巴烈

敬暄

齋盤清淨。羯羅排斲沁悉輪。詔法莊
嚴。𦵏底拈誠娘菩槐。所以香尼餒養
自先天。芾沛蓬島瀛洲產出。𠵽蒼拱大
地。庄自尼海岸生𧇵。品質越奇沉檀。
價值𠵽欣蘭麝。槐𧇵卜鎖。調自三昧。

惟願慈悲垂加護

南無颯哆喃。三藐三菩陀。俱胝喃。怛侄

他。唵。折隸主隸。準提。娑婆訶。

卽纒

用。若羅由。沿蓓塵

蓓塵。吒。瀝。若。常。鼈

珥。揚。叉。溪。甘。露。洗

沫。漾。山。河。淡。颺。春

結留傳。倉釁。檜源。方向。感認。𧀮𧀮。恭
迎尊德。衛低。沛。授床。禪。迤迤。倉。洳。法
水洗。沿。茹僧。讀經文。勛。教典。念秘咒
底加持。又。溪移。𧀮萬般。調瀝。密教固真
言灑淨

稽首皈依蘇悉帝

頭面頂禮七俱胝

我今稱讚大準提

圓明祖業恒修補

陽範初機眎啟蒙

扱衣措鉢衛西域

法主禪家燦祖宗

南無應世師菩薩摩訶薩

巴烈

濫持

理洳事燼。寔豫權哈。宿緣屯固。自數果

寧平生館躡茹農

茹清峭瀝蹊傳統

爻曩仁霜勉曠垌

孝行帶連調順草

綴冊求柴訶管功

童真入道欺疎幼

禪門規矩歟嘍通

論唵誠敬渴瀉

招舁舁縹連高透情

從容坭佛殿

映爚鎖層空

真性恆滂潮

顯現糴形容

安慶形成勢崗淹

藏法搭轉茄茄調睢

霜礬沫羨澍溪

坦礬礬待丟伀溼高

納烟接燦功勞

翔芒教法自豪宗門

佛前朝直劔翫

圭茹極樂擠魂逍遙

香花。啗。啗。炆。齏。炆。炆。

拉。撻。床。禪。敬。誠。開。禮。

鰲。禪。鰲。似。鰲。波。濶。

塢。道。傳。吏。闖。茭。群。低。

福。慧。雯。撫。如。霽。

任。牟。理。鎖。泣。曷。河。沙。

炆。慧。炆。燄。包。羅。

供第三法主釋普慧長老和尚科

副法主釋智淨長老撰

棱禪沈水香衝

栴檀慧苑揅種功勞

持形核固戒刀

炉悉愧鎖𠵽嗽敬𡗗

南無香供養菩薩摩訶薩

巴烈

副法主釋智淨長老撰

供第三法主釋普慧長老和尚科

辛丑年九月十六日正忌恭印